

CHỈ THỊ

Về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời là năm tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nên việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2025 có vai trò, ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo thuận lợi để dẫn dắt, thu hút tối đa các nguồn lực của các thành phần kinh tế khác cho đầu tư phát triển, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước, góp phần giải quyết việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, để đạt mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 trước ngày 31/12/2025, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành và khu vực, các chủ đầu tư phải xác định đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu, xuyên suốt để quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; tiếp tục xử lý, khắc phục những hạn chế, yếu kém, nhất là những hạn chế, yếu kém kéo dài trong nhiều năm; đổi mới, sáng tạo phương thức, cách thức quản lý chương trình, dự án đầu tư công để thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2025 của địa phương, đơn vị mình; đồng thời, tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU VỀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

1. Mục tiêu chung đối với từng chủ đầu tư, từng địa phương

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025, kế hoạch vốn các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 (nếu có) phải hoàn thành giải ngân trước ngày 31/12/2025, trong đó từng chủ đầu tư, từng huyện, thị xã và thành phố phải giải ngân kế hoạch vốn do mình quản lý đảm theo các mốc thời gian giải ngân sau:

1.1. Đến ngày 30/6/2025: Giải ngân phải đạt ít nhất là 50% kế hoạch vốn được giao.

1.2. Đến ngày 30/9/2025: Giải ngân phải đạt ít nhất là 70% kế hoạch vốn được giao.

1.3. Đến ngày 30/11/2025: Giải ngân phải đạt ít nhất là 90% kế hoạch vốn được giao.

1.4. Đến ngày 31/12/2025: Giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao.

2. Mục tiêu cụ thể đối với từng nhóm dự án

Tất cả các chương trình, dự án phải hoàn thành giải ngân toàn bộ vốn đầu tư công năm 2025, vốn các năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 (nếu có) trước ngày 31/12/2025, trong đó phải đảm bảo các mốc thời gian giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện từng loại dự án như sau:

2.1. Đối với các dự án đã hoàn thành (Dự án đã hoàn thành có quyết toán và dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt): Trước ngày 28/02/2025 phải giải ngân đạt 100% kế hoạch.

2.2. Đối với các dự án chuyển tiếp (Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025 và dự án hoàn thành sau năm 2025): Trước ngày 31/5/2025 giải ngân đạt từ 50%, trước ngày 30/6/2025 phải giải ngân đạt từ 60%; trước ngày 30/7/2025 phải giải ngân đạt từ 70%; trước ngày 30/9/2025 phải giải ngân đạt từ 80%, trước ngày 30/11/2025 phải giải ngân đạt từ 90% trở lên và trước ngày 31/12/2025 phải giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2025. Trong quá trình thanh toán, phải ưu tiên bố trí đủ vốn để thực hiện giải phóng mặt bằng theo kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh giao, sau đó mới bố trí cho phần xây lắp và chi khác của dự án.

2.3. Đối với các dự án khởi công mới, dự án chuẩn bị đầu tư

a) *Đối với các dự án đã được UBND tỉnh giao kế hoạch năm 2025 tại Quyết định số 5227/QĐ-UBND ngày 30/12/2024:* Trên cơ sở kế hoạch vốn năm 2025 được UBND tỉnh giao chi tiết, khẩn trương hoàn thành các hồ sơ, thủ tục để sớm khởi công các dự án mới; trước ngày 30/7/2025 giải ngân đạt từ 50% trở lên, trước ngày 30/9/2025 phải giải ngân đạt từ 70%, trước ngày 30/11/2025 phải giải ngân đạt từ 90% trở lên và trước ngày 31/12/2025 phải giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn năm 2025.

b) *Đối với các dự án dự kiến khởi công mới chưa được UBND tỉnh giao kế hoạch năm 2025:* Căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chủ trương đầu tư được phê duyệt, khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục để trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư các dự án trước **ngày 30/3/2025** làm cơ sở cho việc giao kế hoạch năm 2025.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Về hoàn thành phân bổ, giao kế hoạch chi tiết năm 2025 đến từng dự án đối với các nguồn vốn, chương trình, nhiệm vụ chưa phân bổ, giao chi tiết

1.1. Các chủ đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chủ trương đầu tư được phê duyệt, khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục đầu tư đối với các dự án chưa được phân bổ kế hoạch vốn hằng năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ban Dân tộc và Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh.

1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết đối với nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

1.3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh dành cho đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính năm 2025, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

1.4. Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan xây dựng phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2025 còn lại chưa phân bổ, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

1.5. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Căn cứ số vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất được HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao trong dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, khẩn trương hoàn thành giao kế hoạch chi tiết đến danh mục và mức vốn từng dự án do cấp mình quản lý, trong đó ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách cấp huyện cho các dự án do tỉnh quản lý; tuyệt đối không bố trí vốn ngân sách cấp huyện cho các dự án khởi công mới khi chưa bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án do tỉnh quản lý.

b) Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc và giám sát UBND cấp xã giao kế hoạch chi tiết năm 2025 nguồn vốn đầu tư công do cấp xã quản lý đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí và định mức theo quy định của pháp luật về đầu tư công và tiến độ thực hiện các dự án.

c) Báo cáo kết quả phân bổ, giao kế hoạch năm 2025 nguồn vốn do cấp huyện, cấp xã quản lý theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày

11/11/2021 của Chính phủ, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước **ngày 10/02/2025**.

2. Về đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

2.1. Các chủ đầu tư

a) Khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết tiến độ thực hiện và giải ngân vốn các dự án đến từng tháng và tuân thủ nghiêm kế hoạch, nhất là các dự án trọng điểm, như: Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa; Dự án Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đổng, thành phố Thanh Hóa; Dự án Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoằng Xuân, huyện Hoằng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603); Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn; Dự án Đường từ nút giao Đông Xuân đi thành phố Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến; Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn; Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (giai đoạn 2); Dự án Tôn tạo Khu di tích Phủ Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB; Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD...; đồng thời, có văn bản cam kết về tiến độ giải ngân vốn năm 2025, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất vào **ngày 10/02/2025**.

b) Phân công lãnh đạo cơ quan chịu trách nhiệm trực tiếp theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của từng dự án. Kiên quyết xử lý nghiêm, kịp thời các nhà thầu vi phạm tiến độ xây dựng, chất lượng công trình, chậm hoàn thành hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành và vi phạm các điều khoản hợp đồng đã ký kết; trường hợp cần thiết, chấm dứt hợp đồng và thay thế ngay các nhà thầu khác.

c) Thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của UBND tỉnh, Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 09/12/2024 của UBND tỉnh thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn, khắc phục các dự án thi công đến điểm dừng kỹ thuật, thi công chậm tiến độ, sử dụng hiệu quả công trình trụ sở, công sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Tập trung hoàn thành các dự án đã quá thời gian bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công ngay trong năm 2025, tránh tình trạng dự án kéo dài thời gian thực hiện trong nhiều năm, làm giảm hiệu quả đầu tư; sớm khởi công các dự án mới năm 2025.

d) Nhận thức, xác định công tác chuẩn bị đầu tư là nhiệm vụ quan trọng, là điều kiện căn bản quyết định tính khả thi, hiệu quả của dự án. Do đó, phải tập

trung nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án; bảo đảm tính sẵn sàng của dự án để triển khai thực hiện ngay sau khi được giao kế hoạch vốn.

đ) Rà soát, phát hiện và chủ động xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo cấp trên để có biện pháp giải quyết, trong đó phải lựa chọn đúng các “điểm nghẽn, nút thắt” để tập trung xử lý, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, mang lại hiệu quả, tác động rõ rệt, nhất là công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trữ lượng, chất lượng, khả năng cung ứng, cung đường vận chuyển, thủ tục cấp phép khai thác mỏ vật liệu, bãi đổ thải.

e) Thực hiện tạm ứng, thu hồi tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán vốn đầu tư công đảm bảo theo quy định và ngay khi có khối lượng; chủ động rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm, điều chỉnh vốn của các dự án không có khả năng giải ngân, chậm giải ngân sang cho các dự án có tiến độ thực hiện nhanh, có khả năng hấp thụ thêm vốn. Các chủ đầu tư có dự án bị điều chỉnh vốn do nguyên nhân chủ quan, dẫn đến thi công dở dang, phải tự chịu trách nhiệm huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành dự án đưa vào sử dụng. Riêng đối với các dự án sử dụng vốn nước ngoài, tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện, xin ý kiến “không phân đối” của Nhà tài trợ, để có khối lượng hoàn thành, gửi Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa để được xác nhận kiểm soát chi, đủ điều kiện thanh toán, giải ngân.

g) Rà soát, hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục theo quy định của pháp luật đề trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn đầu tư của dự án đảm bảo phù hợp với tiến độ bố trí vốn, nguồn vốn đã bố trí và tình hình thực tế. Đồng thời, khẩn trương mở mã dự án đầu tư đối với các dự án chưa có mã dự án đầu tư, để thực hiện các thủ tục nghiệp vụ về nhập liệu dự toán và thanh toán vốn theo quy định.

2.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn. Thành lập các Tổ công tác đặc biệt thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công cấp huyện năm 2025. Tăng cường đôn đốc, chỉ đạo các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của cấp tỉnh và cấp huyện quản lý. Có văn bản cam kết về tiến độ giải ngân vốn của cấp huyện, cấp xã quản lý theo các mốc thời gian giải ngân nêu trên, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất **ngày 10/02/2025**.

b) Thực hiện tốt Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 02/01/2025 của UBND tỉnh về giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2025, Quyết định số 63/2024/QĐ-UBND ngày 03/10/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo hướng chủ động, linh hoạt; làm gọn từng phần, kiểm đếm đến đâu thì thẩm định, phê duyệt, chi trả tới đó; có mặt bằng sạch tới đâu thì triển khai thi công đến đó.

2.3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh

a) Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát UBND cấp huyện, các chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành hồ sơ, thủ tục chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới, tiến độ thực hiện các dự án chuyển tiếp thuộc 03 chương trình MTQG; kịp thời tháo gỡ hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các chương trình theo quy định.

b) Tổng hợp kết quả giải ngân vốn ngân sách trung ương năm 2022, năm 2023 đã được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024 của 03 chương trình MTQG đến hết ngày 31/12/2024, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của các tập thể, cá nhân có liên quan trong việc chậm trễ, chưa giải ngân hết vốn (nếu có), báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước **ngày 28/02/2025** để làm cơ sở tổng hợp vốn kéo dài sang năm 2025 theo quy định tại Nghị quyết số 174/2024/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV.

2.4. Sở Tài chính

a) Khẩn trương nhập kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của các dự án trên Hệ thống TABMIS đảm bảo theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND tỉnh tại các quyết định giao kế hoạch, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện **trước ngày 10/02/2025**. Chủ động sắp xếp, cân đối vốn đảm bảo đủ nguồn nhập trên Hệ thống TABMIS cho các dự án; không để việc nhập TABMIS chậm, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân các nguồn vốn đầu tư công.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, giám sát và kiểm tra các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025 thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2025 của các dự án.

c) Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí đủ vốn năm 2025 cho các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh.

d) Chủ trì tham mưu cho UBND tỉnh có biện pháp thu hồi vốn tạm ứng quá hạn, kéo dài và chậm được thu hồi của các dự án sử dụng vốn đầu tư công do tỉnh quản lý theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 10 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 11434/UBND-THKH ngày 07/8/2024.

2.5. Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa

a) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc thanh toán theo hình thức trực tuyến nhằm tăng tính chủ động, tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại cho chủ đầu tư; kiểm soát chặt chẽ các khoản chi; chỉ giải ngân cho các mục tiêu đã được xác định cụ thể trong các quyết định giao kế hoạch của UBND tỉnh.

b) Thực hiện nghiêm việc thu hồi vốn tạm ứng theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 11434/UBND-THKH ngày 07/8/2024. Trường hợp chủ đầu tư không ưu tiên thu hồi vốn tạm ứng, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa xem xét, tạm dừng việc thanh toán, yêu cầu chủ đầu tư thực hiện các hồ sơ, thủ tục để thu hồi vốn tạm ứng của dự án; chủ động báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các chủ đầu tư không ưu tiên thu hồi vốn tạm ứng trong quá trình thanh toán vốn.

c) Chủ động, tích cực đầu mối, phối hợp chặt chẽ với Kho bạc Nhà nước đề cung cấp, cập nhật kịp thời giá trị giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của tỉnh thực hiện, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2.6. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì tham mưu, trình UBND tỉnh giải quyết về cơ chế, chính sách đất đai liên quan đến bồi thường GPMB; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện GPMB hằng tháng và vào cuối mỗi đợt kiểm tra.

b) Tập trung hướng dẫn, thẩm định, sớm trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 để các đơn vị triển khai thực hiện, đảm bảo hoàn thành việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện theo quy định.

c) Định kỳ ngày 20 hàng tháng, chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp danh sách các địa phương có tiến độ GPMB các dự án đầu tư công chậm, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.7. Sở Xây dựng thường xuyên kiểm tra, khảo sát giá, trữ lượng, khối lượng cung ứng vật liệu đất tại các mỏ, điểm tập kết, nơi sản xuất, kinh doanh và cung ứng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh để nắm chắc diễn biến giá thị trường, cung - cầu vật liệu xây dựng; trên cơ sở đó, kịp thời cập nhật công bố giá các loại vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng theo quy định để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2.8. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm các quy định tại Quyết định số 4209/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy trình giải quyết khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các dự án sử dụng đất, đầu tư công và triển khai thực hiện các dự án đầu tư trực tiếp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; rút ngắn, cắt giảm tối đa thời gian giải quyết các thủ tục thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư (hoặc BCKTKT), kế hoạch lựa chọn nhà

thầu, thiết kế dự toán công trình. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn và các Bộ, ngành Trung ương để kịp thời tham mưu UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến dự án đầu tư công của tỉnh.

2.9. Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất, tính tiền sử dụng đất các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách để có nguồn bố trí cho các dự án đầu tư công.

2.10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, tổng hợp tình hình cam kết tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của các chủ đầu tư, đơn vị, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện trước **ngày 28/02/2025**.

b) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn các chủ đầu tư, các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn của các dự án. Định kỳ hằng tháng báo cáo UBND tỉnh tại phiên họp thường kỳ và thông báo cho các chủ đầu tư, địa phương và đơn vị về kết quả giải ngân vốn năm 2025.

c) Chủ động tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, trình cấp có thẩm quyền kiên quyết điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án theo nguyên tắc đến thời điểm giải ngân theo quy định tại Mục I nêu trên, chủ đầu tư, địa phương chưa bảo đảm tỷ lệ giải ngân thì điều chỉnh phần vốn chưa giải ngân sang cho các chủ đầu tư, địa phương khác có tiến độ giải ngân vốn nhanh, có nhu cầu bổ sung thêm vốn để bảo đảm tỷ lệ giải ngân vốn đối với từng loại dự án; không phải chờ đề xuất của chủ đầu tư. Thời gian thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn theo các đợt: **Đợt 1 trước ngày 20/3/2025; đợt 2 trước ngày 20/6/2025; đợt 3 trước ngày 20/9/2025**.

d) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức các hội nghị giao ban, hội nghị chuyên đề về đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 định kỳ mỗi Quý/01 lần.

đ) Chủ trì tổng hợp các khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách liên quan đến các dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của tỉnh và trung ương, báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2025 của UBND tỉnh.

e) Tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Tập trung hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư các công trình, dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh được giao kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, làm cơ sở triển khai ngay từ đầu kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

g) Tổng hợp kết quả giải ngân vốn năm 2025 của các chủ đầu tư, đơn vị, gửi Sở Nội vụ để tham mưu UBND tỉnh xem xét, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2025 đối với tập thể, người đứng đầu của cơ quan, đơn vị đó.

2.11. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tiếp tục tổng hợp, lấy kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của đơn vị được giao làm chủ đầu tư và người đứng đầu đơn vị đó; không xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và không đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với các đơn vị, chủ đầu tư giải ngân đạt dưới 50% kế hoạch vốn năm 2025. Kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh biểu dương các tập thể, cá nhân, chủ đầu tư có tỷ lệ giải ngân vốn nhanh theo quy định.

3. Về chế độ thông tin, báo cáo

3.1. Định kỳ ngày 13 hàng tháng, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, các cơ quan thường trực các chương trình MTQG, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành và khu vực, các chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân của các dự án do ngành, địa phương, đơn vị mình quản lý theo quy định tại Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính. Đồng thời, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo tiến độ thu tiền sử dụng đất của địa phương mình (trong đó chi tiết số vốn điều tiết về ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện, cấp xã), gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp.

3.2. Định kỳ ngày 15 hàng tháng, Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa tổng hợp tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm cả vốn các năm trước được kéo dài sang năm 2025) chi tiết đến từng dự án và nguồn vốn đầu tư và tình hình thu hồi vốn tạm ứng của các dự án, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

3.3. Trước ngày 15 hàng tháng, Sở Tài chính tổng hợp tiến độ thu tiền sử dụng đất năm 2025 theo từng huyện, thị xã, thành phố và tình hình nhập dự toán kế hoạch vốn năm 2025 trên Hệ thống TABMIS, tiến độ phân bổ kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh năm 2025 do đơn vị chủ trì tham mưu phân bổ; tiến độ thực hiện và giải ngân vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh năm 2024 chuyển sang 2025 để thực hiện, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3.4. Trước ngày 25 hàng tháng, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 của cả tỉnh, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu

tư xây dựng chuyên ngành và khu vực, các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ, chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh ủy; HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các chủ đầu tư;
- Các phòng chuyên môn VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

CHỦ TỊCH



Đỗ Minh Tuấn

Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục: TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiền độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
	TỔNG SỐ		14.218.247	470.227	3.259.341	7.152.337	9.408.132	10.797.659	12.991.834	14.218.247		
A	SỐ VỐN CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ		8.077.836	46.112	70.280	3.328.336	5.009.198	5.816.376	7.423.052	8.077.836		
I	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương		7.356.171	46.112	70.280	3.328.336	5.009.198	5.816.376	6.773.554	7.356.171		
a	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		590.720	46.112	70.280	78.336	326.472	430.560	534.648	590.720		
1	Bổ trí trả nợ gốc vốn vay cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài		80.560	16.112	40.280	48.336	56.392	64.448	72.504	80.560		
2	Bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh		30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000		
3	Thực hiện đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính		204.070				102.035	142.849	183.663	204.070		
4	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026-2030		60.000				30.000	42.000	54.000	60.000		
5	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch		216.090				108.045	151.263	194.481	216.090		
b	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp huyện, cấp xã		6.500.000			3.250.000	4.550.000	5.200.000	6.000.000	6.500.000		
c	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		5.000				2.500	3.500	4.500	5.000		
d	Đầu tư từ nguồn hội chi ngân sách địa phương		194.459				97.230	136.121	175.013	194.459		
e	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		65.992				32.996	46.194	59.393	65.992		
*	Số vốn còn lại sẽ giao kế hoạch cho các dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nhưng đến nay chưa đủ điều kiện để giao kế hoạch		50.000				25.000	35.000	45.000	50.000		
*	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai thực hiện trong giai đoạn 2026- 2030		15.992				7.996	11.194	14.393	15.992		
II	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư		706.824,658						636.142,192	706.824,658		
a	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		537.916,658						484.124,992	537.916,658		
b	Chương trình MTQG		168.908						152.017	168.908		
*	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM		76.410						68.769	76.410		
*	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		68.637						61.773	68.637		
*	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		23.861						21.475	23.861		
III	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách cấp tỉnh		14.840						13,356	14.840		
B	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐẦU TƯ, ĐƠN VỊ		6.140.411,592	424.115,342	3.189.061,467	3.824.000,642	4.398.934,617	4.981.283,292	5.568.781,967	6.140.411,592		
B.1	CÁC SỐ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH		2.206.119,096	194.149,096	1.189.498,596	1.394.424,496	1.598.273,896	1.801.597,996	2.004.922,096	2.206.119,096		
I	BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH THANH HÓA		25.500		12.750	15.300	17.850	20.400	22.950	25.500		
a	Vốn ngân sách địa phương		25.500		12.750	15.300	17.850	20.400	22.950	25.500		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		25.500		12.750	15.300	17.850	20.400	22.950	25.500		
1	Đường tuần tra từ Đồn Biên phòng Bát Mọt (505) đi bản Đục, bản Vịn xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	25.500		12.750	15.300	17.850	20.400	22.950	25.500	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thanh Hóa	
II	BỘ CHỈ HUY QUẢN SỰ TỈNH THANH HÓA		48.454	4.031	26.243	30.685	35.127	39.569	44.012	48.454		
a	Vốn ngân sách địa phương		39.823		19.912	23.894	27.876	31.858	35.841	39.823		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		39.823		19.912	23.894	27.876	31.858	35.841	39.823		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Dự án CHI-02.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	21.523		10.762	12.914	15.066	17.218	19.371	21.523	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	
2	Rà phá bom, mìn, vật nổ khắc phục hậu quả bom mìn sau chiến tranh trên các địa bàn trọng điểm của tỉnh.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	18.300		9.150	10.980	12.810	14.640	16.470	18.300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		8.631	4.031	6.331	6.791	7.251	7.711	8.171	8.631		
1	Nâng cao năng lực ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ Quân sự, Quốc phòng trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	4.031	4.031	4.031	4.031	4.031	4.031	4.031	4.031	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	
2	Cải tạo, nâng cấp doanh trại và mua sắm thiết bị, doanh cụ tại Cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa và đảo Hòn Mê	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	4.600		2.300	2.760	3.220	3.680	4.140	4.600	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thanh Hóa	
III	CÔNG AN TỈNH		9.000		4.500	5.400	6.300	7.200	8.100	9.000		
a	Vốn ngân sách địa phương		9.000		4.500	5.400	6.300	7.200	8.100	9.000		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>9.000</i>		<i>4.500</i>	<i>5.400</i>	<i>6.300</i>	<i>7.200</i>	<i>8.100</i>	<i>9.000</i>		
1	Xây dựng trụ sở làm việc cho Công an xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	9.000		4.500	5.400	6.300	7.200	8.100	9.000	Công an tỉnh	
IV	VĂN PHÒNG TỈNH ỦY		1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092		
1	Phòng họp không giấy của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	1.092	Văn phòng Tỉnh ủy	
V	SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		799.665	9.483	403.699	482.542	562.260	641.454	720.647	799.665		
a	Vốn ngân sách địa phương		530.731		265.366	318.439	371.512	424.585	477.658	530.731		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>530.731</i>		<i>265.366</i>	<i>318.439</i>	<i>371.512</i>	<i>424.585</i>	<i>477.658</i>	<i>530.731</i>		
1	Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	45.424		22.712	27.254	31.797	36.339	40.882	45.424	Sở Giao thông vận tải	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	485.307		242.654	291.184	339.715	388.246	436.776	485.307	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư.</i>		<i>485.307</i>		<i>242.654</i>	<i>291.184</i>	<i>339.715</i>	<i>388.246</i>	<i>436.776</i>	<i>485.307</i>	Sở Giao thông vận tải	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		8.357	8.357	8.357	8.357	8.357	8.357	8.357	8.357		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>	<i>8.357</i>		
1	Đường giao thông ngã ba Bù Đôn - Xuân Lẻ, huyện Thường Xuân (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	Dự án đã hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	357	357	357	357	357	357	357	357	Sở Giao thông vận tải	
2	Đường giao thông ngã ba Điền Lư - Lương Ngoại - Lương Trung - Lương Nội - Cẩm Quý, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án đường đến trung tâm các xã chưa có đường ô tô).	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	Sở Giao thông vận tải	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		260.577	1.126	129.976	155.746	182.392	208.512	234.632	260.577		
1	Khắc phục, sửa chữa tuyến đường tỉnh 514 (Sim - Cán Khê - đường Hồ Chí Minh).	Dự án hoàn thành đã quyết toán được duyệt	1.126	1.126	1.126	1.126	1.126	1.126	1.126	1.126	Sở Giao thông vận tải	
2	Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nỏ Hên đến đường tỉnh 514.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	26.000		13.000	15.600	18.200	20.800	23.400	26.000	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư.</i>		<i>26.000</i>		<i>13.000</i>	<i>15.600</i>	<i>18.200</i>	<i>20.800</i>	<i>23.400</i>	<i>26.000</i>		
3	Nâng cấp cải tạo, chỉnh trang nhà chờ xe buýt trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn 1).	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.300		1.150	1.380	1.610	1.840	2.070	2.300	Sở Giao thông vận tải	
4	Đường từ nút giao Đông Xuân đi TP Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến.	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	205.400		102.700	123.240	143.780	164.320	184.860	205.400	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư.</i>		<i>205.400</i>		<i>102.700</i>	<i>123.240</i>	<i>143.780</i>	<i>164.320</i>	<i>184.860</i>	<i>205.400</i>		
5	Cầu Cửa Dụ, xã Luện Thành, huyện Thường Xuân	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	24.000		12.000	14.400	16.800	19.200	21.600	24.000	Sở Giao thông vận tải	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Hạng mục do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư</i>		<i>24.000</i>									
6	Đường vành đai 3 nhánh Đông đoạn từ huyện Hoằng Hóa đến huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (giai đoạn lập BCNCKT).	Dự án chuẩn bị đầu tư	1.751				876	1.226	1.576	1.751	Sở Giao thông vận tải	
VI	SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI		18.243	880	9.562	11.298	13.034	14.770	16.507	18.243		
a	Vốn ngân sách địa phương		17.363		8.682	10.418	12.154	13.890	15.627	17.363		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>17.363</i>		<i>8.682</i>	<i>10.418</i>	<i>12.154</i>	<i>13.890</i>	<i>15.627</i>	<i>17.363</i>		
1	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	8.339		4.170	5.003	5.837	6.671	7.505	8.339	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị thiết yếu phục vụ công tác cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	9.024		4.512	5.414	6.317	7.219	8.122	9.024	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		880	880	880	880	880	880	880	880		
1	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng tại Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2 Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	880	880	880	880	880	880	880	880	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
VII	SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		29.261	11.020	20.141	21.965	23.789	25.613	27.437	29.261		
a	Vốn ngân sách địa phương		4.541	1.020	2.781	3.133	3.485	3.837	4.189	4.541		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>3.521</i>		<i>1.761</i>	<i>2.113</i>	<i>2.465</i>	<i>2.817</i>	<i>3.169</i>	<i>3.521</i>		
1	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cảng cá Hòa Lộc và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Lạch Trường, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Nhiệm vụ, dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	148		74	89	104	118	133	148	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cảng cá Lạch Hới và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	Nhiệm vụ, dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	183		92	110	128	146	165	183	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cảng cá Lạch Bạng và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại phường Hải Thanh và phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn.	Nhiệm vụ, dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	190		95	114	133	152	171	190	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	3.000		1.500	1.800	2.100	2.400	2.700	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020		
1	Củng cố bảo vệ và nâng cấp đê biển, đê cửa sông, huyện Nga Sơn (GD II; không bao gồm hạng mục Trồng cây chắn sóng).	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	1.020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
	b Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khe Trâu xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
	c Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		14.720		7.360	8.832	10.304	11.776	13.248	14.720		
1	Cải tạo hệ thống đường từ Trạm bảo vệ rừng số 4 đi Làng Thiện (đội 5 cũ) kết hợp tuần tra, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại xã Trí Nang, huyện Lang Chánh	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025	10.500		5.250	6.300	7.350	8.400	9.450	10.500	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Xây dựng kè chống sạt lở đê tả sông Hoạch đoạn từ K30+750-K31+070 xã Hà Vinh, huyện Hà Trung	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025	4.220		2.110	2.532	2.954	3.376	3.798	4.220	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VIII	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH		134.209	2.561	68.385	81.550	94.715	107.879	121.044	134.209		
a	Vốn ngân sách địa phương		131.648		65.824	78.989	92.154	105.318	118.483	131.648		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		129.150		64.575	77.490	90.405	103.320	116.235	129.150		
1	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Lăng miếu Triệu Tường, xã Hà Long, huyện Hà Trung (GD 2).	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	74.011		37.006	44.407	51.808	59.209	66.610	74.011	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư.</i>		<i>74.011</i>		<i>37.006</i>	<i>44.407</i>	<i>51.808</i>	<i>59.209</i>	<i>66.610</i>	<i>74.011</i>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
2	Tôn tạo Khu di tích Phù Trịnh, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc (trước đây là dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phù từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phù Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc).	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	55.139		27.570	33.083	38.597	44.111	49.625	55.139	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Phần xây lắp do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư.</i>		<i>55.139</i>		<i>27.570</i>	<i>33.083</i>	<i>38.597</i>	<i>44.111</i>	<i>49.625</i>	<i>55.139</i>	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		2.498		1.249	1.499	1.749	1.998	2.248	2.498		
1	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.498		1.249	1.499	1.749	1.998	2.248	2.498	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	b Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561		
1	Xây dựng công thông tin điện tử về du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động tại tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	2.561	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
IX	SỞ CÔNG THƯƠNG		696	696	696	696	696	696	696	696		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		696	696	696	696	696	696	696	696		
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu đập, hồ chứa và bản đồ mực nước hạ du của các đập thủy điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	696	696	696	696	696	696	696	696	Sở Công thương	
X	SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THANH HÓA		12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830	12.830		
1	Tăng cường cơ sở vật chất công nghệ thông tin cho các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	3.714	3.714	3.714	3.714	3.714	3.714	3.714	3.714	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.	
2	Xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu mở (Open Data Platform) tỉnh Thanh Hóa	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	456	456	456	456	456	456	456	456	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.	
3	Mở rộng hệ thống giám sát phòng chống xâm nhập, lây nhiễm mã độc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được	8.660	8.660	8.660	8.660	8.660	8.660	8.660	8.660	Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa.	
XI	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO		22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817		
1	Mua sắm thiết bị triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025”	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	22.817	Sở Giáo dục và Đào tạo	
XII	SỞ XÂY DỰNG		119.000		59.500	71.400	83.300	95.200	107.100	119.000		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		119.000		59.500	71.400	83.300	95.200	107.100	119.000		
1	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Chính trị tỉnh	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	119.000		59.500	71.400	83.300	95.200	107.100	119.000	Sở Xây dựng	
XIII	SỞ Y TẾ		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000		
a	Vốn ngân sách địa phương		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000		
1	Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức.	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	Sở Y tế	
XIV	BAN DÂN TỘC		356	356	356	356	356	356	356	356		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		356	356	356	356	356	356	356	356		
1	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, khuôn viên cơ quan Ban Dân tộc tỉnh.	Dự án hoàn thành đã có quyết toán được duyệt	356	356	356	356	356	356	356	356	Ban Dân tộc	
XV	CHI CỤC THỦY LỢI		14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096		
a	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096	14.271,096		
1	Đường cứu hộ, cứu nạn liên thôn xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn)	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	6.071,096	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025								Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025			
2	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 4 xã Thọ Tiến, Hợp Lý, Hợp Tiến, Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục	
3	Đường cứu hộ, cứu nạn đi qua 3 xã Thăng Thọ, Thăng Long, Vạn Thiện, huyện Nông Cống	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục	
4	Xử lý sạt lở đê tả sông Mã đoạn từ K3+125-K3+897,5 xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	Chi cục đê điều và phòng chống lụt bão Thanh Hóa (nay là Chi cục	
XVI	VIỆN NÔNG NGHIỆP THANH HÓA		20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981		
1	Trụ sở làm việc Viện nông nghiệp Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	20.981	Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	
XVII	TỈNH ĐOÀN THANH HÓA		1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285		
1	Phòng họp trực tuyến chung của cơ quan Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	1.285	Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
XVIII	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC KKT NGHĨ SƠN VÀ CÁC KCN		602.820	780	301.800	362.004	422.208	482.412	542.616	602.820			
a	Vốn ngân sách địa phương		46.200		23.100	27.720	32.340	36.960	41.580	46.200			
*	<i>Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương</i>		<i>33.200</i>		<i>16.600</i>	<i>19.920</i>	<i>23.240</i>	<i>26.560</i>	<i>29.880</i>	<i>33.200</i>			
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	33.200		16.600	19.920	23.240	26.560	29.880	33.200		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>13.000</i>		<i>6.500</i>	<i>7.800</i>	<i>9.100</i>	<i>10.400</i>	<i>11.700</i>	<i>13.000</i>			
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	13.000		6.500	7.800	9.100	10.400	11.700	13.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
b	Vốn ngân sách Trung ương (vốn trong nước)		506.040		253.020	303.624	354.228	404.832	455.436	506.040			
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>506.040</i>		<i>253.020</i>	<i>303.624</i>	<i>354.228</i>	<i>404.832</i>	<i>455.436</i>	<i>506.040</i>			
1	Đầu tư hệ thống thoát nước đường 513 - Khu kinh tế Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	17.000		8.500	10.200	11.900	13.600	15.300	17.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
2	Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	489.040		244.520	293.424	342.328	391.232	440.136	489.040		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
	<i>Trong đó:</i>												

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025						Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025			Trước ngày 31/12/2025
-	Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN Thanh Hóa làm chủ đầu tư		489.040		244.520	293.424	342.328	391.232	440.136	489.040	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
c	Vốn nước ngoài		49.800		24.900	29.880	34.860	39.840	44.820	49.800		
*	Vốn đưa vào cân đối ngân sách Trung ương.		49.800		24.900	29.880	34.860	39.840	44.820	49.800		
1	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiêu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	49.800		24.900	29.880	34.860	39.840	44.820	49.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
d	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		780	780	780	780	780	780	780	780		
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường Bắc Nam 3 - Khu Kinh tế Nghi Sơn	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	780	780	780	780	780	780	780	780	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.	
XIX	BAN QUẢN LÝ KKT NGHI SON VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP		42.889	27.756	35.323	36.836	38.349	39.862	41.376	42.889		
a	Vốn ngân sách địa phương		41.489	27.756	34.623	35.996	37.369	38.742	40.116	41.489		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		28.489	27.756	28.123	28.196	28.269	28.342	28.416	28.489		
1	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 15, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	27	27	27	27	27	27	27	27	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
2	Điều chỉnh quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp số 4, Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	26	26	26	26	26	26	26	26	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
3	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	190	190	190	190	190	190	190	190	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
4	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp phía Tây thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	213	213	213	213	213	213	213	213	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
5	Đường từ Quốc lộ 1A đến điểm đầu tuyến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn, thuộc tuyến đường từ Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
6	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Bắc Hoằng Hóa, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Nhiệm vụ dự kiến hoàn thành năm 2025	733		367	440	513	586	660	733	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		13.000		6.500	7.800	9.100	10.400	11.700	13.000		
1	Tuyến đường bộ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	13.000		6.500	7.800	9.100	10.400	11.700	13.000	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		1.400		700	840	980	1.120	1.260	1.400		
1	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các Khu công nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025	1.400		700	840	980	1.120	1.260	1.400	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
XX	BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP THANH HÓA		77.958	25.021	41.730	50.927	58.173	65.419	72.664	77.958		
a	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		27.167		13.584	16.300	19.017	21.734	24.450	27.167		
*	Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		16.468		8.234	9.881	11.528	13.174	14.821	16.468		
1	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	16.468		8.234	9.881	11.528	13.174	14.821	16.468	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
*	Vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		10.699		5.350	6.419	7.489	8.559	9.629	10.699		
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		50.791	25.021	28.146	34.627	39.156	43.685	48.214	50.791		
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp khu văn phòng, khu chức năng Ban Quản lý Di tích lịch sử Lam Kinh.	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	1.379	1.379	1.379	1.379	1.379	1.379	1.379	1.379	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà hát Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	627	627	627	627	627	627	627	627	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
3	Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất trường Đại học Văn hóa, thể thao và Du lịch.	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	790	790	790	790	790	790	790	790	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
4	Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục, mua sắm thiết bị Sân vận động tỉnh và Nhà thi đấu thể dục thể thao tỉnh Thanh Hoá.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	6.250		3.125	3.750	4.375	5.000	5.625	6.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
5	Cải tạo, sửa chữa Nhà điều hành, Nhà ký túc xá sinh viên NS Trường Đại học Hồng Đức.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	5.664	5.664	5.664	5.664	5.664	5.664	5.664	5.664	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
6	Trụ sở hợp khối Sở Nội vụ - Sở Ngoại vụ - Sở Khoa học - Sở Khoa học và Công nghệ - Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật - Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	16.561	16.561	16.561	16.561	16.561	16.561	16.561	16.561	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
7	Cải tạo, sửa chữa Nhà nghỉ E, Trung tâm Hội nghị 25B.	Các dự án khởi công mới năm 2025	10.270			3.081	5.135	7.189	9.243	10.270	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
8	Cải tạo, sửa chữa Hội trường lớn và cung cấp, lắp đặt thiết bị Trung tâm hội nghị 25B.	Các dự án khởi công mới năm 2025	9.250			2.775	4.625	6.475	8.325	9.250	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa	
XXI	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG THANH HÓA		171.889	30.889	101.389	115.489	129.589	143.689	157.789	171.889		
a	Vốn ngân sách địa phương		85.889	30.889	58.389	63.889	69.389	74.889	80.389	85.889		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>85.889</i>	<i>30.889</i>	<i>58.389</i>	<i>63.889</i>	<i>69.389</i>	<i>74.889</i>	<i>80.389</i>	<i>85.889</i>		
1	Đường nối Quốc lộ 1 với Quốc lộ 45 đoạn từ xã Hoảng Xuân, huyện Hoảng Hóa đến xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa (Km5+250-Km14+603)	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các Khu công nghiệp	
-	<i>Trong đó:</i> <i>Tiểu dự án 1: Cầu vượt sông Mã và đường 2 đầu cầu từ Km5+250-Km7+250.</i>		30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	30.889	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (trước đây là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1).</i>	
2	Đầu tư xây dựng cầu Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	55.000		27.500	33.000	38.500	44.000	49.500	55.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (trước đây là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1).	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		86.000		43.000	51.600	60.200	68.800	77.400	86.000		
1	Đầu tư xây dựng cầu Cẩm Vân, Huyện Cẩm Thủy	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2025	86.000		43.000	51.600	60.200	68.800	77.400	86.000	Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông Thanh Hóa (trước đây là Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông số 1).	
XXII	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT THANH HÓA		50.903	5.400	28.152	32.702	37.252	41.802	46.353	50.903		
a	Vốn ngân sách địa phương		45.503		22.752	27.302	31.852	36.402	40.953	45.503		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>45.503</i>		<i>22.752</i>	<i>27.302</i>	<i>31.852</i>	<i>36.402</i>	<i>40.953</i>	<i>45.503</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Xây dựng mới trạm bơm Yên Tôn, xã Vinh Quang, huyện Vinh Lộc (thay thế trạm bơm Yên Tôn, xã Vinh Yên, huyện Vinh Lộc).	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	10.703		5.352	6.422	7.492	8.562	9.633	10.703	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
2	Nạo vét, thanh thải dải đá ngầm luồng tàu, khu vực cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão tàu thuyền nghề cá Lạch Bang, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	34.800		17.400	20.880	24.360	27.840	31.320	34.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400		
1	Tu bổ, nâng cấp đê, kè biển phường Hải Bình, thị xã Nghi Sơn	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa	
B.2	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ		3.849.312,496	213.975,246	1.974.077,371	2.373.691,746	2.741.377,421	3.113.503,096	3.485.778,771	3.849.312,496		
I	UBND HUYỆN THIỆU HÓA		76.767	8.351	42.559	49.401	56.242	63.084	69.926	76.767		
a	Vốn ngân sách địa phương		40.400		20.200	24.240	28.280	32.320	36.360	40.400		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		17.922		8.961	10.753	12.545	14.338	16.130	17.922		
1	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	17.922		8.961	10.753	12.545	14.338	16.130	17.922	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		22.478		11.239	13.487	15.735	17.982	20.230	22.478		
1	Nâng cấp, cải tạo đê hữu sông Dừa, huyện Thiệu Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	17.478		8.739	10.487	12.235	13.982	15.730	17.478	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
2	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		20.327	4.311	12.319	13.921	15.522	17.124	18.726	20.327		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311		
1	Kè chống sạt lở bờ hữu đê sông Chu đoạn K37+300 đến K38+900 xã Thiệu Minh, Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa.	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	4.311	UBND huyện Thiệu Hóa	
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		16.016		8.008	9.610	11.211	12.813	14.414	16.016		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		16.040	4.040	10.040	11.240	12.440	13.640	14.840	16.040		
1	Trường THPT Nguyễn Quán Nho huyện Thiệu Hóa	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	UBND huyện Thiệu Hóa	
2	Xây dựng nhà lớp học, phòng học bộ môn 3 tầng 18 phòng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Văn Hưu, huyện Thiệu Hóa	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	1.740	1.740	1.740	1.740	1.740	1.740	1.740	1.740	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
3	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa huyện Thiệu Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	12.000		6.000	7.200	8.400	9.600	10.800	12.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thiệu Hóa	
II	UBND HUYỆN QUẢNG XƯƠNG		74.507	1.400	37.954	45.264	52.575	59.886	67.196	74.507		
a	Vốn ngân sách địa phương		63.016		31.508	37.810	44.111	50.413	56.714	63.016		
*	<i>Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>63.016</i>		<i>31.508</i>	<i>37.810</i>	<i>44.111</i>	<i>50.413</i>	<i>56.714</i>	<i>63.016</i>		
1	Đường giao thông từ cầu Thăng Phú (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	30.000		15.000	18.000	21.000	24.000	27.000	30.000		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương làm chủ đầu tư</i>		<i>30.000</i>		<i>15.000</i>	<i>18.000</i>	<i>21.000</i>	<i>24.000</i>	<i>27.000</i>	<i>30.000</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương</i>	
2	Đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi đường ven biển từ xã Quảng Chính đi xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	26.000		13.000	15.600	18.200	20.800	23.400	26.000		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương làm chủ đầu tư</i>		<i>26.000</i>		<i>13.000</i>	<i>15.600</i>	<i>18.200</i>	<i>20.800</i>	<i>23.400</i>	<i>26.000</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng Xương</i>	
3	Đường từ núi Văn Trinh (ĐT.504) đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn (ĐT.506), tỉnh Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	7.016		3.508	4.210	4.911	5.613	6.314	7.016	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		10.091		5.046	6.055	7.064	8.073	9.082	10.091		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>10.091</i>		<i>5.046</i>	<i>6.055</i>	<i>7.064</i>	<i>8.073</i>	<i>9.082</i>	<i>10.091</i>		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400		
1	Xây dựng nhà lớp học Trường THPT Quảng Xương 1, huyện Quảng Xương	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quảng	
III	UBND HUYỆN YÊN ĐỊNH		46.996		23.498	28.198	32.897	37.597	42.296	46.996		
a	Vốn ngân sách địa phương		33.162		16.581	19.897	23.213	26.530	29.846	33.162		
*	<i>Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>33.162</i>		<i>16.581</i>	<i>19.897</i>	<i>23.213</i>	<i>26.530</i>	<i>29.846</i>	<i>33.162</i>		
1	Tuyến đường nối đường tỉnh 516C với xã Định Công đi xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	33.162		16.581	19.897	23.213	26.530	29.846	33.162	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		9.634		4.817	5.780	6.744	7.707	8.671	9.634		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>9.634</i>		<i>4.817</i>	<i>5.780</i>	<i>6.744</i>	<i>7.707</i>	<i>8.671</i>	<i>9.634</i>		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		4.200		2.100	2.520	2.940	3.360	3.780	4.200		
1	Đầu tư, nâng cấp Trường THPT Yên Định 2, huyện Yên Định	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	4.200		2.100	2.520	2.940	3.360	3.780	4.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Yên Định	
IV	UBND HUYỆN HẬU LỘC		102.827		29.214	61.430	68.792	80.593	92.544	102.827		
a	Vốn ngân sách địa phương		68.000		23.050	43.185	47.680	54.365	61.200	68.000		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>3.000</i>		<i>1.500</i>	<i>2.100</i>	<i>2.250</i>	<i>2.400</i>	<i>2.700</i>	<i>3.000</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	3.000		1.500	2.100	2.250	2.400	2.700	3.000		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư.</i>		3.000		1.500	2.100	2.250	2.400	2.700	3.000	UBND huyện Hậu Lộc	
*	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		16.600			6.640	8.300	11.620	14.940	16.600		
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	Dự án khởi công mới năm 2025	16.600			6.640	8.300	11.620	14.940	16.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		48.400		21.550	34.445	37.130	40.345	43.560	48.400		
1	Tuyến đường giao thông nối Quốc lộ 10 (tại Km218+245) với đường Phạm Bình thị trấn Hậu Lộc (tại Km0+235), huyện Hậu Lộc.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	29.700		14.850	22.275	23.760	25.245	26.730	29.700		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư.</i>		6.000		3.000	4.500	4.800	5.100	5.400	6.000	UBND huyện Hậu Lộc	
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc làm chủ đầu tư</i>		23.700		11.850	17.775	18.960	20.145	21.330	23.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
2	Kiên cố hóa kênh 10 xã, huyện Hậu Lộc.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	13.400		6.700	10.050	10.720	11.390	12.060	13.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
3	Đầu tư xây dựng Công sở xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc	Dự án khởi công mới năm 2025	5.300			2.120	2.650	3.710	4.770	5.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		12.327		6.164	9.245	9.862	10.478	11.094	12.327		
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		12.327		6.164	9.245	9.862	10.478	11.094	12.327		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		22.500			9.000	11.250	15.750	20.250	22.500		
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc	Dự án khởi công mới năm 2025	22.500			9.000	11.250	15.750	20.250	22.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hậu Lộc	
V	UBND THỊ XÃ BÌM SƠN		21.550		10.775	12.930	15.085	17.240	19.395	21.550		
a	Vốn ngân sách địa phương		9.550		4.775	5.730	6.685	7.640	8.595	9.550		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		9.550		4.775	5.730	6.685	7.640	8.595	9.550		
1	Đầu tư xây dựng và nâng cấp đê Tam Diệp và cầu Hà Lan, thị xã Bim Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	9.550		4.775	5.730	6.685	7.640	8.595	9.550	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		12.000		6.000	7.200	8.400	9.600	10.800	12.000		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		12.000		6.000	7.200	8.400	9.600	10.800	12.000		
1	Đường giao thông nối từ đường Trần Phú đến đường Nam Bim Sơn 6, thị xã Bim Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	12.000		6.000	7.200	8.400	9.600	10.800	12.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn	
VI	UBND HUYỆN HOÀNG HÓA		81.289		10.913	46.101	53.139	60.176	67.214	74.251	81.289	
a	Vốn ngân sách địa phương		40.913		9.113	25.013	28.193	31.373	34.553	37.733	40.913	
*	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết		6.400		3.200	3.840	4.480	5.120	5.760	6.400		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện đa khoa huyện Hoằng Hóa.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	6.400		3.200	3.840	4.480	5.120	5.760	6.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		34.513	9.113	21.813	24.353	26.893	29.433	31.973	34.513		
1	Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoằng Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	9.113	9.113	9.113	9.113	9.113	9.113	9.113	9.113	UBND huyện Hoằng Hóa	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Thịnh - Đông, huyện Hoằng Hóa (giai đoạn 2).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	25.400		12.700	15.240	17.780	20.320	22.860	25.400	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		20.376	1.800	11.088	12.946	14.803	16.661	18.518	20.376		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800		
1	Đường cứu hộ, cứu nạn nhân dân vùng ven biển huyện Hoằng Hóa	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	UBND huyện Hoằng Hóa	
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		18.576		9.288	11.146	13.003	14.861	16.718	18.576		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		20.000		10.000	12.000	14.000	16.000	18.000	20.000		
1	Xây dựng nhà khám chữa bệnh Bệnh viện Đa khoa huyện Hoằng Hóa	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	20.000		10.000	12.000	14.000	16.000	18.000	20.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hoằng Hóa	
VII	UBND HUYỆN NGA SƠN		128.166		64.083	76.900	89.716	102.533	115.349	128.166		
a	Vốn ngân sách địa phương		83.925		41.963	50.355	58.748	67.140	75.533	83.925		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		58.625		29.313	35.175	41.038	46.900	52.763	58.625		
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	16.314		8.157	9.788	11.420	13.051	14.683	16.314		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư</i>		<i>16.314</i>		<i>8.157</i>	<i>9.788</i>	<i>11.420</i>	<i>13.051</i>	<i>14.683</i>	<i>16.314</i>	<i>UBND huyện Nga Sơn</i>	
2	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	22.186		11.093	13.312	15.530	17.749	19.967	22.186		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư</i>		<i>22.186</i>		<i>11.093</i>	<i>13.312</i>	<i>15.530</i>	<i>17.749</i>	<i>19.967</i>	<i>22.186</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn</i>	
3	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	20.125		10.063	12.075	14.088	16.100	18.113	20.125	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		25.300		12.650	15.180	17.710	20.240	22.770	25.300		
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu căn cứ khởi nghĩa Ba Đình (Hạng mục: Đền thờ các thủ lĩnh và nghĩa quân Ba Đình), huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	10.000		5.000	6.000	7.000	8.000	9.000	10.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
2	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoạt đoạn từ K27+700 đến K43+100, huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	15.300		7.650	9.180	10.710	12.240	13.770	15.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		44.241		22.121	26.545	30.969	35.393	39.817	44.241		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>19.510</i>		<i>9.755</i>	<i>11.706</i>	<i>13.657</i>	<i>15.608</i>	<i>17.559</i>	<i>19.510</i>		
1	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 524, huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	19.510		9.755	11.706	13.657	15.608	17.559	19.510		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn làm chủ đầu tư</i>		<i>19.510</i>		<i>9.755</i>	<i>11.706</i>	<i>13.657</i>	<i>15.608</i>	<i>17.559</i>	<i>19.510</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn</i>	
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>22.644</i>		<i>11.322</i>	<i>13.586</i>	<i>15.851</i>	<i>18.115</i>	<i>20.380</i>	<i>22.644</i>		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>2.087</i>		<i>1.044</i>	<i>1.252</i>	<i>1.461</i>	<i>1.670</i>	<i>1.878</i>	<i>2.087</i>		
1	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo Trường Trung cấp nghề Nga Sơn, huyện Nga Sơn. □	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.087		1.044	1.252	1.461	1.670	1.878	2.087	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn	
VIII	UBND THÀNH PHỐ SẦM SƠN		259.277		129.639	155.566	181.494	207.422	233.349	259.277		
a	Vốn ngân sách địa phương		259.277		129.639	155.566	181.494	207.422	233.349	259.277		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>124.539</i>		<i>62.270</i>	<i>74.723</i>	<i>87.177</i>	<i>99.631</i>	<i>112.085</i>	<i>124.539</i>		
1	Tuyến đường 4C, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường vành đai phía Nam).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	69.416		34.708	41.650	48.591	55.533	62.474	69.416	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	
2	Tuyến đường trục cảnh quan Thanh Hóa - Sầm Sơn, thành phố Sầm Sơn (đoạn từ Quốc lộ 10 đến đường 4C).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	55.123		27.562	33.074	38.586	44.098	49.611	55.123	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Sầm Sơn	
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>134.738</i>		<i>67.369</i>	<i>80.843</i>	<i>94.317</i>	<i>107.790</i>	<i>121.264</i>	<i>134.738</i>		
1	Khu lưu niệm đồng bào, cán bộ, chiến sỹ và học sinh miền nam tập kết ra Bắc tại phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	23.500		11.750	14.100	16.450	18.800	21.150	23.500	UBND thành phố Sầm Sơn	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thành phố Sầm Sơn	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	23.107		11.554	13.864	16.175	18.486	20.796	23.107	UBND thành phố Sầm Sơn	
3	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL 47) và đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	88.131		44.066	52.879	61.692	70.505	79.318	88.131	UBND thành phố Sầm Sơn	
IX	UBND HUYỆN NHƯ XUÂN		42.464	9.237	18.601	24.823	29.596	34.369	39.141	42.464		
a	Vốn ngân sách địa phương		14.500			4.350	7.250	10.150	13.050	14.500		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>14.500</i>			<i>4.350</i>	<i>7.250</i>	<i>10.150</i>	<i>13.050</i>	<i>14.500</i>		
1	Đường giao thông từ xã Thượng Ninh, huyện Như Xuân đi xã Phụng Nghi, huyện Như Thanh.	Dự án khởi công mới năm 2025	14.500			4.350	7.250	10.150	13.050	14.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		18.727		9.364	11.236	13.109	14.982	16.854	18.727		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>5.940</i>		<i>2.970</i>	<i>3.564</i>	<i>4.158</i>	<i>4.752</i>	<i>5.346</i>	<i>5.940</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		12.787		6.394	7.672	8.951	10.230	11.508	12.787		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		9.237	9.237	9.237	9.237	9.237	9.237	9.237	9.237		
1	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Như Xuân 2, huyện Như Xuân	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	1.137	1.137	1.137	1.137	1.137	1.137	1.137	1.137	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân	
2	Xây dựng các hạng mục Trường THCS&THPT Như Xuân, huyện Như Xuân	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Xuân	
X	UBND HUYỆN NÔNG CỐNG		57.468	3.095	30.282	35.719	41.156	46.593	52.031	57.468		
a	Vốn ngân sách địa phương		34.613		17.307	20.768	24.229	27.690	31.152	34.613		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		513		257	308	359	410	462	513		
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị số 17 (Khu vực Yên Mỹ) Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	513		257	308	359	410	462	513	UBND huyện Nông Cống	
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		34.100		17.050	20.460	23.870	27.280	30.690	34.100		
1	Đường nối khu công nghiệp Tương Linh đi tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	31.500		15.750	18.900	22.050	25.200	28.350	31.500		
-	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống làm chủ đầu tư</i>		31.500		15.750	18.900	22.050	25.200	28.350	31.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	
2	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Hoàng đoạn Km28+760 đến Km33+500, huyện Nông Cống.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	2.600		1.300	1.560	1.820	2.080	2.340	2.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		19.760		9.880	11.856	13.832	15.808	17.784	19.760		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		2.000		1.000	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000		
1	Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	2.000		1.000	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		17.760		8.880	10.656	12.432	14.208	15.984	17.760		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		3.095	3.095	3.095	3.095	3.095	3.095	3.095	3.095		
1	Xây dựng trung tâm y tế huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	BND huyện Nông Cống	
2	Xây dựng nhà bộ môn 2 tầng 6 phòng và nhà đa năng Trường THPT Nông Cống 4	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	995	995	995	995	995	995	995	995	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nông Cống	
XI	UBND HUYỆN TRIỆU SƠN		79.913		38.457	47.048	55.339	63.630	71.922	79.913		
a	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		15.613		7.807	9.368	10.929	12.490	14.052	15.613		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		13.816		6.908	8.290	9.671	11.053	12.434	13.816		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		1.797		899	1.078	1.258	1.438	1.617	1.797		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		64.300		30.650	37.680	44.410	51.140	57.870	64.300		
1	Dự án Đường nối thành phố Thanh Hóa với Cảng hàng không Thọ Xuân, đoạn từ cầu Nô Hên đến đường tỉnh 514	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	60.000		30.000	36.000	42.000	48.000	54.000	60.000		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Hạng mục GPMB do UBND huyện Triệu Sơn làm chủ đầu tư</i>		<i>60.000</i>		<i>30.000</i>	<i>36.000</i>	<i>42.000</i>	<i>48.000</i>	<i>54.000</i>	<i>60.000</i>	<i>UBND huyện Triệu Sơn</i>	
2	Xây dựng mới nhà lớp học bộ môn, nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường THPT Triệu Sơn 4 huyện Triệu Sơn	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	1.300		650	780	910	1.040	1.170	1.300	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn	
3	Xây mới nhà hiệu bộ Trường THPT Triệu Sơn 3, huyện Triệu Sơn	Dự án khởi công mới năm 2025	3.000			900	1.500	2.100	2.700	3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn	
XII	UBND HUYỆN CẨM THỦY		118.764	19.945	69.355	79.236	89.118	99.000	108.882	118.764		
a	Vốn ngân sách địa phương		82.144	14.644	48.394	55.144	61.894	68.644	75.394	82.144		
*	<i>Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>82.144</i>	<i>14.644</i>	<i>48.394</i>	<i>55.144</i>	<i>61.894</i>	<i>68.644</i>	<i>75.394</i>	<i>82.144</i>		
1	Đường giao thông khu du lịch suối cá thần, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	14.644	14.644	14.644	14.644	14.644	14.644	14.644	14.644	Ban Quản dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy	
2	Đường Đông Tây 3 nối từ đường tránh Tây Quốc lộ 217 đến đường Hồ Chí Minh và đường tránh Tây Quốc lộ 217 nối Quốc lộ 217, huyện Cẩm Thủy.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	67.500		33.750	40.500	47.250	54.000	60.750	67.500		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy làm Chủ đầu tư</i>		<i>44.411</i>		<i>22.206</i>	<i>26.647</i>	<i>31.088</i>	<i>35.529</i>	<i>39.970</i>	<i>44.411</i>	<i>Ban Quản dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Thủy</i>	
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Cẩm Thủy làm Chủ đầu tư</i>		<i>23.089</i>		<i>11.545</i>	<i>13.853</i>	<i>16.162</i>	<i>18.471</i>	<i>20.780</i>	<i>23.089</i>	<i>UBND huyện Cẩm Thủy</i>	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		36.620	5.301	20.961	24.092	27.224	30.356	33.488	36.620		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>	<i>5.301</i>		
1	Sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Bai Bồng xã Cẩm Tâm, huyện Cẩm Thủy	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	5.301	5.301	5.301	5.301	5.301	5.301	5.301	5.301	UBND huyện Cẩm Thủy	
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>31.319</i>		<i>15.660</i>	<i>18.791</i>	<i>21.923</i>	<i>25.055</i>	<i>28.187</i>	<i>31.319</i>		
XIII	UBND THÀNH PHỐ THANH HÓA		187.629	5.200	96.415	114.657	132.900	151.143	169.386	187.629		
a	Vốn ngân sách địa phương		134.597	5.200	69.899	82.838	95.778	108.718	121.657	134.597		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>1.000</i>		<i>500</i>	<i>600</i>	<i>700</i>	<i>800</i>	<i>900</i>	<i>1.000</i>		
1	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đổng, thành phố Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.000		500	600	700	800	900	1.000	UBND thành phố Thanh Hóa	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư</i>		<i>1.000</i>		<i>500</i>	<i>600</i>	<i>700</i>	<i>800</i>	<i>900</i>	<i>1.000</i>		
*	<i>Chỉ xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>133.597</i>	<i>5.200</i>	<i>69.399</i>	<i>82.238</i>	<i>95.078</i>	<i>107.918</i>	<i>120.757</i>	<i>133.597</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025								Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025			
1	Đường nối Khu công nghiệp Tây Bắc Ga với đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa (Từ mốc A2 đến mốc A4).	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	UBND thành phố Thanh Hóa	
2	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	11.336		5.668	6.802	7.935	9.069	10.202	11.336		UBND thành phố Thanh Hóa	
3	Mở rộng đại lộ Lê Lợi đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến cầu Đông, thành phố Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	52.461		26.231	31.477	36.723	41.969	47.215	52.461			
	<i>Trong đó:</i>												
-	<i>Các hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Thanh Hóa làm chủ đầu tư</i>		52.461		26.231	31.477	36.723	41.969	47.215	52.461		UBND thành phố Thanh Hóa	
4	Đường tỉnh 502 đoạn từ nút giao với đường Đình Hương - Giàng, phường Thiệu Dương đến ngã ba đi cầu phao Vòm, phường Thiệu Khánh, thành phố Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	17.600		8.800	10.560	12.320	14.080	15.840	17.600		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Thanh Hóa	
5	Đường giao thông nối Quốc lộ 47 xã Đông Anh, huyện Đông Sơn với Quốc lộ 45 xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương (đoạn từ tỉnh lộ 517 huyện Đông Sơn đi xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	42.000		21.000	25.200	29.400	33.600	37.800	42.000		UBND huyện Đông Sơn (nay là UBND thành phố Thanh Hóa)	
6	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đông Sơn	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		3.032		1.516	1.819	2.122	2.426	2.729	3.032			
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>3.032</i>		<i>1.516</i>	<i>1.819</i>	<i>2.122</i>	<i>2.426</i>	<i>2.729</i>	<i>3.032</i>			
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		50.000		25.000	30.000	35.000	40.000	45.000	50.000			
1	Đường từ nút giao Đông Xuân đi TP Thanh Hóa, đoạn Đông Thanh - Đông Tiến	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	50.000		25.000	30.000	35.000	40.000	45.000	50.000			
	<i>Trong đó:</i>												
-	<i>Hạng mục GPMB do UBND huyện Đông Sơn làm chủ đầu tư</i>		50.000		25.000	30.000	35.000	40.000	45.000	50.000		UBND huyện Đông Sơn (nay là UBND thành phố Thanh Hóa)	
XIV	UBND HUYỆN THẠCH THÀNH		103.687	7.032	55.360	65.025	74.691	84.356	94.022	103.687			
a	Vốn ngân sách địa phương		38.965	42	19.504	23.396	27.288	31.180	35.073	38.965			
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>	<i>42</i>			
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành đến năm 2030	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	42	42	42	42	42	42	42	42		UBND xã Thạch Tượng, huyện Thạch Thành	
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>38.923</i>		<i>19.462</i>	<i>23.354</i>	<i>27.246</i>	<i>31.138</i>	<i>35.031</i>	<i>38.923</i>			
1	Đường tránh thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành (GĐ 1).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	27.100		13.550	16.260	18.970	21.680	24.390	27.100			
	<i>Trong đó:</i>												
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư</i>		27.100		13.550	16.260	18.970	21.680	24.390	27.100		UBND huyện Thạch Thành	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
2	Đường giao thông vào khu di tích cấp quốc gia đặc biệt Hang Con Moong và các di tích phụ cận huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (đoạn tuyến từ Km7+300 đến Km16+950).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	11.823		5.912	7.094	8.276	9.458	10.641	11.823		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành làm chủ đầu tư</i>		11.823		5.912	7.094	8.276	9.458	10.641	11.823	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thành	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		59.722	6.990	33.356	38.629	43.902	49.176	54.449	59.722		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>	<i>6.990</i>		
1	Sửa chữa nâng cấp đảm bảo an toàn hồ Đồng Khanh, xã Thành Thọ, huyện Thạch Thành	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	6.990	6.990	6.990	6.990	6.990	6.990	6.990	6.990	UBND huyện Thạch Thành	
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>48.843</i>		<i>24.422</i>	<i>29.306</i>	<i>34.190</i>	<i>39.074</i>	<i>43.959</i>	<i>48.843</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>3.889</i>		<i>1.945</i>	<i>2.333</i>	<i>2.722</i>	<i>3.111</i>	<i>3.500</i>	<i>3.889</i>		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000		
1	Sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Thạch Thành 4, huyện Thạch Thành	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000		
XV	UBND HUYỆN VINH LỘC		89.817	34.817	62.317	67.817	73.317	78.817	84.317	89.817		
a	Vốn ngân sách địa phương		52.973	15.867	34.420	38.131	41.841	45.552	49.262	52.973		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>35.056</i>		<i>17.528</i>	<i>21.034</i>	<i>24.539</i>	<i>28.045</i>	<i>31.550</i>	<i>35.056</i>		
1	Tôn tạo Khu di tích Phú Trịnh, xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc (trước đây là dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phú từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan Di tích lịch sử Phú Trịnh xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc).	Dự án hoàn thành sau năm 2025	35.056		17.528	21.034	24.539	28.045	31.550	35.056		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Phần GPMB, TĐC do UBND huyện Vinh Lộc làm chủ đầu tư</i>		<i>35.056</i>		<i>17.528</i>	<i>21.034</i>	<i>24.539</i>	<i>28.045</i>	<i>31.550</i>	<i>35.056</i>	UBND huyện Vinh Lộc	
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>17.917</i>	<i>15.867</i>	<i>16.892</i>	<i>17.097</i>	<i>17.302</i>	<i>17.507</i>	<i>17.712</i>	<i>17.917</i>		
1	Đầu tư xây dựng Trạm bơm tưới xã Vinh Hùng, huyện Vinh Lộc.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	15.867	15.867	15.867	15.867	15.867	15.867	15.867	15.867	UBND huyện Vinh Lộc	
2	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vinh Lộc và các xã phụ cận, huyện Vinh Lộc	Dự án hoàn thành sau năm 2025	2.050		1.025	1.230	1.435	1.640	1.845	2.050	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vinh Lộc	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		23.894	18.000	20.947	21.536	22.126	22.715	23.305	23.894		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		<i>18.642</i>	<i>18.000</i>	<i>18.321</i>	<i>18.385</i>	<i>18.449</i>	<i>18.514</i>	<i>18.578</i>	<i>18.642</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025			
1	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tân Lập, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	7.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
2	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Kẽm, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
3	Đường từ trung tâm đô thị Bông, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	642		321	385	449	514	578	642			
	<i>Trong đó:</i>												
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc làm chủ đầu tư</i>		642		321	385	449	514	578	642		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc	
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		5.252		2.626	3.151	3.676	4.202	4.727	5.252			
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		12.950	950	6.950	8.150	9.350	10.550	11.750	12.950			
1	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Tổng Duy Tân, huyện Vĩnh Lộc	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	950	950	950	950	950	950	950	950	950	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc	
2	Đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	12.000		6.000	7.200	8.400	9.600	10.800	12.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Vĩnh Lộc	
XVI	UBND HUYỆN QUAN HÓA		142.660	4.316	73.488	87.322	101.157	114.991	128.826	142.660			
a	Vốn ngân sách địa phương		60.599	99	30.349	36.399	42.449	48.499	54.549	60.599			
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		99	99	99	99	99	99	99	99			
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Nam Động, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	30	30	30	30	30	30	30	30		UBND xã Nam Động	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Thành, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	35	35	35	35	35	35	35	35		UBND xã Trung Thành	
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá đến năm 2030	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	34	34	34	34	34	34	34	34		UBND xã Trung Sơn	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		60.500		30.250	36.300	42.350	48.400	54.450	60.500			
1	Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	27.500		13.750	16.500	19.250	22.000	24.750	27.500			
	<i>Trong đó:</i>												
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư</i>		27.500		13.750	16.500	19.250	22.000	24.750	27.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
2	Đường giao thông từ xã Thành Sơn huyện Quan Hóa đi huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	33.000		16.500	19.800	23.100	26.400	29.700	33.000			
	<i>Trong đó:</i>												

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
-	Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa làm chủ đầu tư		33.000		16.500	19.800	23.100	26.400	29.700	33.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		77.844		38.922	46.706	54.491	62.275	70.060	77.844		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>11.325</i>		<i>5.663</i>	<i>6.795</i>	<i>7.928</i>	<i>9.060</i>	<i>10.193</i>	<i>11.325</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>32.596</i>		<i>16.298</i>	<i>19.558</i>	<i>22.817</i>	<i>26.077</i>	<i>29.336</i>	<i>32.596</i>		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>33.923</i>		<i>16.962</i>	<i>20.354</i>	<i>23.746</i>	<i>27.138</i>	<i>30.531</i>	<i>33.923</i>		
1	Đường giao thông từ bản Bầu, xã Nam Động huyện Quan Hóa đi bản Súa, xã Sơn Điện, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	7.343		3.672	4.406	5.140	5.874	6.609	7.343	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
2	Nâng cấp, sửa chữa phòng học và các công trình phụ trợ Trường mầm non khu Háng, khu Dôi xã Thiên Phú, huyện Quan Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	4.628		2.314	2.777	3.240	3.702	4.165	4.628	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
3	Nâng cấp đường giao thông từ cầu treo bản Bầu đi bản Nốt xã Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	660		330	396	462	528	594	660	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
4	Cầu và Đường từ bản Uôn đi bản Páng xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	21.292		10.646	12.775	14.904	17.034	19.163	21.292	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217		
1	Xây dựng nhà hiệu bộ, nhà đa năng Trường THPT Quan Hóa, huyện Quan Hoá	Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	4.217	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hóa	
XVII	UBND HUYỆN THỌ XUÂN		55.646		27.823	33.388	38.952	44.517	50.081	55.646		
a	Vốn ngân sách địa phương		41.000		20.500	24.600	28.700	32.800	36.900	41.000		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>41.000</i>		<i>20.500</i>	<i>24.600</i>	<i>28.700</i>	<i>32.800</i>	<i>36.900</i>	<i>41.000</i>		
1	Tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi trung tâm hành chính mới của huyện Thọ Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	30.000		15.000	18.000	21.000	24.000	27.000	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	
2	Nâng cấp, tu bổ các đoạn xung yếu tuyến đê sông Tiêu Thủy, huyện Thọ Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	9.000		4.500	5.400	6.300	7.200	8.100	9.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	
3	Tuyến đường nối Quốc lộ 47 với Quốc lộ 47C, huyện Thọ Xuân (Giai đoạn 1).	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	2.000		1.000	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thọ Xuân	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		14.646		7.323	8.788	10.252	11.717	13.181	14.646		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>14.646</i>		<i>7.323</i>	<i>8.788</i>	<i>10.252</i>	<i>11.717</i>	<i>13.181</i>	<i>14.646</i>		
XVIII	UBND HUYỆN LANG CHÁNH		122.098	13.999	68.049	78.858	89.668	100.478	111.288	122.098		
a	Vốn ngân sách địa phương		65.364	13.999	39.682	44.818	49.955	55.091	60.228	65.364		
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>65.364</i>	<i>13.999</i>	<i>39.682</i>	<i>44.818</i>	<i>49.955</i>	<i>55.091</i>	<i>60.228</i>	<i>65.364</i>		
1	Sắp xếp dân cư vùng ảnh hưởng thiên tai tại huyện Lang Chánh.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	13.999	13.999	13.999	13.999	13.999	13.999	13.999	13.999	UBND huyện Lang Chánh	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
2	Kè chống sạt lở cục bộ kết hợp chỉnh trang phát triển đô thị, khai thác quỹ đất khu vực thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	31.700		15.850	19.020	22.190	25.360	28.530	31.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
3	Tuyến đường giao thông từ bản Giàng, xã Trí Nang đi thôn Bang, Giàng, Tiu, thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh nối với Quốc lộ 15A.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	19.665		9.833	11.799	13.766	15.732	17.699	19.665		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh làm chủ đầu tư</i>		19.665		9.833	11.799	13.766	15.732	17.699	19.665	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		56.734		28.367	34.040	39.714	45.387	51.061	56.734		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>5.360</i>		<i>2.680</i>	<i>3.216</i>	<i>3.752</i>	<i>4.288</i>	<i>4.824</i>	<i>5.360</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>15.587</i>		<i>7.794</i>	<i>9.352</i>	<i>10.911</i>	<i>12.470</i>	<i>14.028</i>	<i>15.587</i>		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>35.787</i>		<i>17.894</i>	<i>21.472</i>	<i>25.051</i>	<i>28.630</i>	<i>32.208</i>	<i>35.787</i>		
1	Đường giao thông từ bản Ngâm Pộc đi bản Con, bản Vịn, xã Yên Thắng, huyện Lang Chánh.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
2	Nâng cấp đường giao thông từ thôn Pọng đi thôn Khu xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	3.377		1.689	2.026	2.364	2.702	3.039	3.377	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
3	Đường giao thông từ bản Vắn đi bản Peo đi bản Vắn, xã Yên Thắng đi bản Chiềng Nưa, xã Yên Khương, huyện Lang Chánh.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	13.986		6.993	8.392	9.790	11.189	12.587	13.986	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ bản En đi bản Năng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	13.424		6.712	8.054	9.397	10.739	12.082	13.424	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh	
XIX	UBND HUYỆN BÁ THƯỚC		222.459	34.939	119.399	141.871	162.483	183.095	203.707	222.459		
a	Vốn ngân sách địa phương		109.239	34.939	62.789	73.939	83.229	92.519	101.809	109.239		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>	<i>18.618</i>		
1	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>		2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	2.755	UBND huyện Bá Thước	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	22	22	22	22	22	22	22	22	UBND xã Cổ Lũng	
3	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn La Ca, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	950	950	950	950	950	950	950	950	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
4	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Pồn Thành Công, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	23	23	23	23	23	23	23	23	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
5	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Trinh, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	4.199	4.199	4.199	4.199	4.199	4.199	4.199	4.199	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
6	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>		10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	10.645	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
7	Quy hoạch chung xây dựng xã Lũng Cao, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	24	24	24	24	24	24	24	24	UBND xã Lũng Cao	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		90.621	16.321	44.171	55.321	64.611	73.901	83.191	90.621		
1	Cầu trung tâm đô thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	28.500		14.250	17.100	19.950	22.800	25.650	28.500	UBND huyện Bá Thước	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>		28.500		14.250	17.100	19.950	22.800	25.650	28.500		
2	Đường tránh tỉnh lộ 512B đoạn qua chợ phố Đoàn, xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>		16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	16.321	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
3	Cầu trung tâm đô thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước và đường nối đường tránh thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước đi tỉnh lộ 523D, huyện Bá Thước.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	27.200		13.600	16.320	19.040	21.760	24.480	27.200		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước làm chủ đầu tư</i>		27.200		13.600	16.320	19.040	21.760	24.480	27.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
4	Trụ sở Huyện ủy, Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Bá Thước.	Dự án khởi công mới năm 2025	18.600			5.580	9.300	13.020	16.740	18.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		113.220		56.610	67.932	79.254	90.576	101.898	113.220		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>61.827</i>		<i>30.914</i>	<i>37.096</i>	<i>43.279</i>	<i>49.462</i>	<i>55.644</i>	<i>61.827</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>14.452</i>		<i>7.226</i>	<i>8.671</i>	<i>10.116</i>	<i>11.562</i>	<i>13.007</i>	<i>14.452</i>		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>36.941</i>		<i>18.471</i>	<i>22.165</i>	<i>25.859</i>	<i>29.553</i>	<i>33.247</i>	<i>36.941</i>		
1	Đường giao thông từ La Hán, xã Ban Công, huyện Bá Thước đi xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	7.600		3.800	4.560	5.320	6.080	6.840	7.600	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
2	Đường giao thông từ xã Ban Công đi điểm du lịch bán Đôn, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	8.000		4.000	4.800	5.600	6.400	7.200	8.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
3	Đập Tả Hướng, xã Ban Công, huyện Bá Thước.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	5.560		2.780	3.336	3.892	4.448	5.004	5.560	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
4	Đường giao thông từ xã Kỳ Tân đi xã Văn Nho nối với Quốc lộ 217.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	7.422		3.711	4.453	5.195	5.938	6.680	7.422	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
5	Đường giao thông nối xã Văn Nho huyện Bá Thước đi xã Tam Vãn, huyện Lang Chánh.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	8.359		4.180	5.015	5.851	6.687	7.523	8.359	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bá Thước	
XX	UBND HUYỆN THƯỜNG XUÂN		121.065	9.394	61.138	73.941	85.927	97.912	109.898	121.065		
a	Vốn ngân sách địa phương		43.590	9.394	22.400	27.456	31.694	35.932	40.170	43.590		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>10.186</i>	<i>194</i>	<i>3.998</i>	<i>5.474</i>	<i>6.712</i>	<i>7.949</i>	<i>9.187</i>	<i>10.186</i>		
1	Đường giao thông từ thôn Buồng xã Luận Khê đi thôn Pà Cầu xã Xuân Lộc, huyện Thường Xuân	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	7.608		3.804	4.565	5.326	6.086	6.847	7.608	UBND huyện Thường Xuân	
2	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Chiềng, xã Bát Mọt, huyện Thường Xuân.	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt	194	194	194	194	194	194	194	194	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	
3	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Mỹ xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân	Dự án khởi công mới năm 2025	2.384			715	1.192	1.669	2.146	2.384	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	
*	<i>Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước</i>		<i>33.404</i>	<i>9.200</i>	<i>18.402</i>	<i>21.982</i>	<i>24.983</i>	<i>27.983</i>	<i>30.984</i>	<i>33.404</i>		
1	Xây dựng cầu Tô Rồng, huyện Thường Xuân.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	UBND huyện Thường Xuân	
2	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	8.000		4.000	4.800	5.600	6.400	7.200	8.000	UBND huyện Thường Xuân	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư</i>		<i>8.000</i>		<i>4.000</i>	<i>4.800</i>	<i>5.600</i>	<i>6.400</i>	<i>7.200</i>	<i>8.000</i>		
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ xã Xuân Cao đi xã Luận Thành, huyện Thường Xuân	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	10.404		5.202	6.242	7.283	8.323	9.364	10.404		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư</i>		<i>10.404</i>		<i>5.202</i>	<i>6.242</i>	<i>7.283</i>	<i>8.323</i>	<i>9.364</i>	<i>10.404</i>	<i>Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân</i>	
4	Đầu tư xây dựng Công sở thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Dự án khởi công mới năm 2025	5.800			1.740	2.900	4.060	5.220	5.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		73.475		36.738	44.085	51.433	58.780	66.128	73.475		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>33.418</i>		<i>16.709</i>	<i>20.051</i>	<i>23.393</i>	<i>26.734</i>	<i>30.076</i>	<i>33.418</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>9.107</i>		<i>4.554</i>	<i>5.464</i>	<i>6.375</i>	<i>7.286</i>	<i>8.196</i>	<i>9.107</i>		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
*	Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		30.950		15.475	18.570	21.665	24.760	27.855	30.950		
1	Đường giao thông từ xã Vạn Xuân đi trung tâm xã Xuân Lẹ, huyện Thường Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	12.709		6.355	7.625	8.896	10.167	11.438	12.709	UBND huyện Thường Xuân	
2	Đường giao thông thôn Xuân Minh 1, xã Xuân Cao đi Bản Mạ, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	14.818		7.409	8.891	10.373	11.854	13.336	14.818	UBND huyện Thường Xuân	
3	Đường giao thông từ trung tâm xã Tân Thành đi đường mòn Hồ Chí Minh	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	3.423		1.712	2.054	2.396	2.738	3.081	3.423	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường	
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		4.000		2.000	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000		
1	Cầu Cửa Dụ, xã Luện Thành, huyện Thường Xuân	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	4.000		2.000	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000		
-	Hạng mục GPMB do UBND huyện Thường Xuân làm chủ đầu tư		4.000		2.000	2.400	2.800	3.200	3.600	4.000	UBND huyện Thường Xuân	
XXI	UBND HUYỆN NHƯ THANH		128.582	1.710	65.146	77.833	90.520	103.208	115.895	128.582		
a	Vốn ngân sách địa phương		50.600		25.300	30.360	35.420	40.480	45.540	50.600		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		12.500		6.250	7.500	8.750	10.000	11.250	12.500		
1	Đường Bến En đi trung tâm thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	12.500		6.250	7.500	8.750	10.000	11.250	12.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		38.100		19.050	22.860	26.670	30.480	34.290	38.100		
1	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	30.000		15.000	18.000	21.000	24.000	27.000	30.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
2	Đường giao thông Phương Nghi - Cán Khê, huyện Như Thanh.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	8.100		4.050	4.860	5.670	6.480	7.290	8.100		
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		56.772		28.386	34.063	39.740	45.418	51.095	56.772		
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		33.654		16.827	20.192	23.558	26.923	30.289	33.654		
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		23.118		11.559	13.871	16.183	18.494	20.806	23.118		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		21.210	1.710	11.460	13.410	15.360	17.310	19.260	21.210		
1	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và nhà đa năng Trường THPT Như Thanh 2, huyện Như Thanh	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710	1.710	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
2	Đầu tư xây dựng nhà điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Đa khoa huyện Như Thanh.	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025	19.500		9.750	11.700	13.650	15.600	17.550	19.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Như Thanh	
XXII	UBND HUYỆN QUAN SƠN		181.581	16.261	96.421	113.953	130.985	148.017	165.049	181.581		
a	Vốn ngân sách địa phương		101.789		48.395	59.573	70.252	80.931	91.610	101.789		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		101.789		48.395	59.573	70.252	80.931	91.610	101.789		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Hệ thống cấp nước và xử lý nước sinh hoạt thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	5.200		2.600	3.120	3.640	4.160	4.680	5.200	UBND huyện Quan Sơn	
2	Trụ sở làm việc Mặt trận Tổ quốc và khối đoàn thể chính trị - xã hội huyện Quan Sơn.	Dự án khởi công mới năm 2025	5.000			1.500	2.500	3.500	4.500	5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
3	Nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	3.000		1.500	1.800	2.100	2.400	2.700	3.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
4	Đường giao thông nội vùng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	36.000		18.000	21.600	25.200	28.800	32.400	36.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
5	Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	8.500		4.250	5.100	5.950	6.800	7.650	8.500		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư</i>		8.500		4.250	5.100	5.950	6.800	7.650	8.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
6	Đường giao thông từ bản Thủy Thành đi bản Khà - bản Mùa Xuân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	44.089		22.045	26.453	30.862	35.271	39.680	44.089		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư</i>		44.089		22.045	26.453	30.862	35.271	39.680	44.089	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		72.016		8.485	40.251	46.604	52.957	59.310	65.663	72.016	
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực</i>		6.600		6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	
1	Đường giao thông phục vụ công tác cứu hộ cho các xã Trung Thượng và Trung Tiến, huyện Quan Sơn.	Dự án đã hoàn thành bản giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	6.600	UBND huyện Quan Sơn	
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		6.390		3.195	3.834	4.473	5.112	5.751	6.390		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		24.007		12.004	14.404	16.805	19.206	21.606	24.007		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		35.019		1.885	18.452	21.765	25.079	28.392	31.706	35.019	
1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Sơn Thủy - Na Mèo, huyện Quan Sơn.	Dự án đã hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.885	1.885	1.885	1.885	1.885	1.885	1.885	1.885	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
2	Đường giao thông liên xã từ bản Ché Lầu xã Na Mèo đi bản Mùa Xuân, Khà xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	23.385		11.693	14.031	16.370	18.708	21.047	23.385	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
3	Nâng cấp Đường giao thông liên xã Trung Hạ-Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	7.785		3.893	4.671	5.450	6.228	7.007	7.785	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nối QL.217 đi Đôn Biên phòng Mường Mìn, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	1.964		982	1.178	1.375	1.571	1.768	1.964	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiền độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776		
1	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn và các công trình phụ trợ khác trường THPT Quan Sơn, huyện Quan Sơn	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Sơn	
XXIII	UBND HUYỆN HÀ TRUNG		93.724	25.889	57.157	65.000	72.314	79.627	86.941	93.724		
a	Vốn ngân sách địa phương		57.300		26.000	32.790	39.050	45.310	51.570	57.300		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		52.000		26.000	31.200	36.400	41.600	46.800	52.000		
1	Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại xã Hà Lĩnh) - Cụm di tích Đền Hàn, Cò Bơ xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	52.000		26.000	31.200	36.400	41.600	46.800	52.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung làm chủ đầu tư</i>		52.000									
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		5.300		1.590	2.650	3.710	4.770	5.300			
1	Đầu tư xây dựng Công sở xã Hà Vinh, huyện Hà Trung.	Dự án khởi công mới năm 2025	5.300		1.590	2.650	3.710	4.770	5.300		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		33.424	22.889	28.157	29.210	30.264	31.317	32.371	33.424		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		22.889	22.889	22.889	22.889	22.889	22.889	22.889	22.889		
1	Đường cứu hộ, cứu nạn cho nhân dân vùng ngập lụt 3 xã Hà Dương, Hà Văn, Hà Thanh, huyện Hà Trung	Dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2024	700	700	700	700	700	700	700	700	UBND huyện Hà Trung	
2	Đường giao thông kết nối Quốc lộ 217 đi đường tỉnh 508, huyện Hà Trung.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung làm chủ đầu tư</i>		22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	22.189	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Hà Trung	
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		10.535		5.268	6.321	7.375	8.428	9.482	10.535		
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000		
1	Xây dựng trường THPT Hoàng Lê Kha huyện Hà Trung	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	UBND huyện Hà Trung	
XXIV	UBND HUYỆN MƯỜNG LÁT		192.611	5.577	91.020	112.953	133.271	153.589	173.908	192.611		
a	Vốn ngân sách địa phương		79.682		31.767	42.965	52.548	62.131	71.714	79.682		
*	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh		16.149		4.845	8.075	11.304	14.534	16.149			
1	Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân bản Trung Thăng, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Dự án khởi công mới năm 2025	16.149		4.845	8.075	11.304	14.534	16.149		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		63.533		31.767	38.120	44.473	50.826	57.180	63.533		

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
1	Nhà máy nước sạch huyện Mường Lát.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	24.333		12.167	14.600	17.033	19.466	21.900	24.333	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
2	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ bản Nà Ôn đi bản Cò Cài, xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	39.200		19.600	23.520	27.440	31.360	35.280	39.200		
-	<i>Trong đó:</i> <i>Các hạng mục Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát làm chủ đầu tư</i>		39.200		19.600	23.520	27.440	31.360	35.280	39.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		107.352		53.676	64.411	75.146	85.882	96.617	107.352		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		<i>29.790</i>		<i>14.895</i>	<i>17.874</i>	<i>20.853</i>	<i>23.832</i>	<i>26.811</i>	<i>29.790</i>		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		<i>43.946</i>		<i>21.973</i>	<i>26.368</i>	<i>30.762</i>	<i>35.157</i>	<i>39.551</i>	<i>43.946</i>		
*	<i>Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững</i>		<i>33.616</i>		<i>16.808</i>	<i>20.170</i>	<i>23.531</i>	<i>26.893</i>	<i>30.254</i>	<i>33.616</i>		
1	Đường giao thông từ bản Pá Quăn đi bản Tà Cóm, xã Trung Lý, huyện Mường Lát	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	26.765		13.383	16.059	18.736	21.412	24.089	26.765	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
2	Đường giao thông từ bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát đi xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.565		1.283	1.539	1.796	2.052	2.309	2.565	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
3	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ đường Tây Thanh Hóa đi bản Ứn-Sài Khao, huyện Mường Lát	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.286		1.143	1.372	1.600	1.829	2.057	2.286	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
4	Nâng cấp, cải tạo đường từ cầu Mường Lát đi khu phố Đoàn Kết thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	2.000		1.000	1.200	1.400	1.600	1.800	2.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
c	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577		
1	Nâng cấp, cải tạo Trường THPT Mường Lát huyện Mường Lát	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	5.577	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Mường Lát	
XXV	UBND HUYỆN NGỌC LẠC		497.581		248.791	298.549	348.307	398.065	447.823	497.581		
a	Vốn ngân sách địa phương		176.330		88.165	105.798	123.431	141.064	158.697	176.330		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		<i>43.089</i>		<i>21.545</i>	<i>25.853</i>	<i>30.162</i>	<i>34.471</i>	<i>38.780</i>	<i>43.089</i>		
+	<i>Bổ trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn nước ngoài</i>		<i>43.089</i>		<i>21.545</i>	<i>25.853</i>	<i>30.162</i>	<i>34.471</i>	<i>38.780</i>	<i>43.089</i>		
1	Tiêu dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc Dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ (vốn vay AFD).	Dự án hoàn thành sau năm 2025	43.089		21.545	25.853	30.162	34.471	38.780	43.089	UBND huyện Ngọc Lặc	
*	<i>Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương</i>		<i>72.741</i>		<i>36.371</i>	<i>43.645</i>	<i>50.919</i>	<i>58.193</i>	<i>65.467</i>	<i>72.741</i>		
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	72.741		36.371	43.645	50.919	58.193	65.467	72.741	UBND huyện Ngọc Lặc	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		60.500		30.250	36.300	42.350	48.400	54.450	60.500		
1	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.500	750	900	1.050	1.200	1.350	1.500	1.500	UBND huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>		1.500	750	900	1.050	1.200	1.350	1.500	1.500	UBND huyện Ngọc Lặc	
2	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	17.500	8.750	10.500	12.250	14.000	15.750	17.500	17.500		
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do UBND huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>		17.500	8.750	10.500	12.250	14.000	15.750	17.500	17.500	UBND huyện Ngọc Lặc	
3	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc đi thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	28.000	14.000	16.800	19.600	22.400	25.200	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>		28.000	14.000	16.800	19.600	22.400	25.200	28.000	28.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	
4	Nâng cấp tuyến đường từ xã Quang Trung - Ngọc Liên - Ngọc Sơn - Ngọc Trung - Lam Sơn, huyện Ngọc Lặc đi xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	13.500	6.750	8.100	9.450	10.800	12.150	13.500	13.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>											
-	<i>Các hạng mục do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc làm chủ đầu tư</i>		13.500	6.750	8.100	9.450	10.800	12.150	13.500	13.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Ngọc Lặc	
b	Vốn nước ngoài		303.205		151.603	181.923	212.244	242.564	272.885	303.205		
1	Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa thuộc dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu cho 04 tỉnh ven biển Bắc Trung Bộ, vay vốn AFD.	Dự án hoàn thành sau năm 2025	303.205	151.603	181.923	212.244	242.564	272.885	303.205	303.205	UBND huyện Ngọc Lặc	
	<i>Trong đó:</i>											
	+ <i>Vốn đưa vào cân đối ngân sách Trung ương</i>		290.965	145.483	174.579	203.676	232.772	261.869	290.965	290.965		
	+ <i>Vốn viện trợ không hoàn lại</i>		12.240	6.120	7.344	8.568	9.792	11.016	12.240	12.240		
c	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		18.046		9.023	10.828	12.632	14.437	16.241	18.046		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới</i>		17.150	8.575	10.290	12.005	13.720	15.435	17.150	17.150		
*	<i>Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>		896	448	538	627	717	806	896	896		
XXVI	UBND THỊ XÃ NGHI SƠN		620.184	1.900	311.042	372.870	434.699	496.527	558.356	620.184		
a	Vốn ngân sách địa phương		300.051	1.900	150.976	180.791	210.606	240.421	270.236	300.051		
*	<i>Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh</i>		300.051	1.900	150.976	180.791	210.606	240.421	270.236	300.051		
1	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân, tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	UBND thị xã Nghi Sơn	
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ di dân xã Hải Hà, thị xã Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	298.151	149.076	178.891	208.706	238.521	268.336	298.151	298.151	UBND thị xã Nghi Sơn	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
b	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		320.133		160.067	192.080	224.093	256.106	288.120	320.133		
*	Vốn ngân sách Trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực		312.233		156.117	187.340	218.563	249.786	281.010	312.233		
1	Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	312.233		156.117	187.340	218.563	249.786	281.010	312.233		
	<i>Trong đó:</i>											
-	Các hạng mục do UBND thị xã Nghi Sơn làm chủ đầu tư		312.233		156.117	187.340	218.563	249.786	281.010	312.233	UBND thị xã Nghi Sơn	
*	Vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		7.900		3.950	4.740	5.530	6.320	7.110	7.900		
B.3	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC		84.980	15.991	25.486	55.884	59.283	66.182	78.081	84.980		
I	TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG THANH HÓA		9.395		4.698	5.637	6.577	7.516	8.456	9.395		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		9.395		4.698	5.637	6.577	7.516	8.456	9.395		
1	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường vào khu di tích lịch sử quốc gia Chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh, xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.380		690	828	966	1.104	1.242	1.380	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
2	Đầu tư thay thế đèn LED 150W tiết kiệm điện tại tuyến đường Lạc Long Quân đoạn từ ngã tư giao cắt với đường Quang Trung đến cầu Tạnh Xá 1, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	435		218	261	305	348	392	435	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
3	Đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường vào khu di tích lịch sử cách mạng Nhà đồng chí Lê Huy Toán, xã Thiệu Toán và vào khu di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Đồng Bào, thị trấn Hậu Hiền, huyện Thiệu Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.540		770	924	1.078	1.232	1.386	1.540	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
4	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện dọc tuyến đường Thanh Niên trung tâm thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.420		710	852	994	1.136	1.278	1.420	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
5	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn Led tiết kiệm điện tại tuyến đường Quốc lộ 47C, đoạn từ xã Xuân Trường đến xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.580		790	948	1.106	1.264	1.422	1.580	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
6	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện khu trung tâm xã Tam Thanh và khu trung tâm xã Tam Lư, huyện Quan Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.460		730	876	1.022	1.168	1.314	1.460	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
7	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng bằng đèn LED tiết kiệm điện tại tuyến đường tỉnh lộ 524 đoạn qua xã Nga Thanh và Nga Thủy, huyện Nga Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	1.580		790	948	1.106	1.264	1.422	1.580	Trung tâm khuyến công và tiết kiệm năng lượng Thanh Hóa	
II	TRUNG TÂM BẢO TỒN DI SẢN THÀNH NHÀ HỒ		7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796		
1	Nghiên cứu khai quật, khảo cổ tổng thể khu di tích Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	7.796	Trung tâm bảo tồn di sản Thành Nhà Hồ	

STT	Danh mục dự án/nguồn vốn	Tiến độ bố trí vốn năm 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Quy định tiến độ giải ngân kế hoạch vốn năm 2025							Chủ đầu tư	Ghi chú
				Trước ngày 28/02/2025	Trước ngày 31/5/2025	Trước ngày 30/6/2025	Trước ngày 30/7/2025	Trước ngày 30/9/2025	Trước ngày 30/11/2025	Trước ngày 31/12/2025		
III	TRUNG TÂM HOẠT ĐỘNG VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ THANH THIẾU NHI THANH HÓA		5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000		
1	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm hoạt động và Bồi dưỡng cán bộ thanh thiếu nhi Thanh Hóa.	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025	5.000		2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	5.000	Trung tâm hoạt động và Bồi dưỡng cán bộ thanh thiếu nhi Thanh Hóa.	
IV	TRUNG TÂM DỊCH VỤ VIỆC LÀM		4.594		2.297	2.756	3.216	3.675	4.135	4.594		
a	Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước)		4.594		2.297	2.756	3.216	3.675	4.135	4.594		
*	Vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững		4.594		2.297	2.756	3.216	3.675	4.135	4.594		
1	Xây dựng, cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng các hạng mục công trình, nhà xưởng thực hành, ký túc xá; các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện đào tạo của Trường Cao đẳng nghề Nghi Sơn.	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2025	4.594		2.297	2.756	3.216	3.675	4.135	4.594	Trung tâm Dịch vụ việc làm	
V	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH		53.393	3.393	3.393	31.893	33.393	38.393	48.393	53.393		
a	Vốn ngân sách địa phương		50.000			28.500	30.000	35.000	45.000	50.000		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		50.000			28.500	30.000	35.000	45.000	50.000		
1	Xây dựng Trung tâm tim mạch - hồi sức tích cực - chẩn đoán hình ảnh và Ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.	Dự án khởi công mới năm 2025	50.000			28.500	30.000	35.000	45.000	50.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	
b	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393		
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà hợp khối nội A7, nhà hợp khối ngoại A6 và cải tạo hệ thống nhà cầu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	3.393	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa	
VI	BỆNH VIỆN MẮT		3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719		
a	Vốn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025		3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719		
1	Xây dựng nâng cấp Bệnh viện Mắt Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	3.719	Bệnh viện Mắt	
VII	BAN QUẢN LÝ DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA HÀM RỒNG		1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083		
a	Vốn ngân sách địa phương		1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083		
*	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083		
1	Xây dựng tuyến đường Tiên Sơn - Hạc Oa (đoạn từ nút giao đường vào động Tiên Sơn đến đường Hạc Oa) Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	Dự án hoàn thành chưa có quyết toán được duyệt	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	